

Lộ trình quan hệ thương mại Việt - Mỹ

LÝ HOÀNG MAI

I. TỔNG QUAN 50 NĂM QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT - MỸ

1. Quan hệ thương mại Việt - Mỹ trước khi Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận

• Giai đoạn 1955 - 1975

Sau 300 ngày kể từ khi ký Hiệp định Geneve (21-7-1954 cho tới 19-5-1955), trên lãnh thổ Việt Nam đã hình thành cục diện “Hai miền Nam - Bắc”, với hai nhà nước, hai quốc gia. Miền Bắc đứng trong phe XHCN và bắt đầu đi theo mô hình kinh tế XHCN. Miền Nam Việt Nam chuyển từ thân phận lệ thuộc Pháp sang lệ thuộc Mỹ. Chính vì vậy, trước năm 1975, Mỹ không có quan hệ kinh tế thương mại với miền Bắc, nhưng lại có quan hệ kinh tế thương mại với miền Nam, thực chất là quan hệ viện trợ

để Mỹ thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Về kinh tế, nền kinh tế của miền Nam theo cơ chế thị trường tự do, nhưng “tự do” theo sự lệ thuộc ngày càng nặng nề vào viện trợ Mỹ.

Viện trợ Mỹ là sự hiện diện kinh tế của Mỹ ở miền Nam, nhưng nó không đi vào nền kinh tế miền Nam một cách tự nhiên như chất dinh dưỡng đi vào cơ thể, mà là một yếu tố thay thế, nhiều khi lấn át cả những yếu tố thuộc nội lực của nền kinh tế đó. Viện trợ của Mỹ cho miền Nam gồm các loại: viện trợ quân sự trực tiếp, viện trợ thương mại, viện trợ nông phẩm, viện trợ theo dự án, viện trợ cho vay. Bài viết này chỉ nghiên cứu phần viện trợ thương mại của Mỹ.

BIỂU 1: Viện trợ thương mại của Mỹ cho miền Nam giai đoạn 1955 - 1975

Đơn vị: triệu USD

Năm	Khối lượng viện trợ
1955	323,6
1956	177,0
1957	233,0
1958	153,3
1959	146,4
1960	135,6
1961	111,2
1962	94,1
1963	95,0
1964	113,0
1965	141,8
1966	398,0
1967	132,6
1968	154,7
1969	130,0
1970	238,5
1971	281,0
1972	313,0
1973	226,2
1974	282,6
1975	751,4

Nguồn: Đặng Phong. Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 - 1975. Nxb Khoa học xã hội, 2004, tr 157.

Lý Hoàng Mai, Viện Kinh tế Việt Nam.

Viện trợ thương mại có hai chức năng chính: thứ nhất, tạo điều kiện để cung cấp phần lớn hàng nhập khẩu cho miền Nam. Thứ hai, thông qua đó, tạo ra bộ phận quan trọng nhất trong nguồn thu ngân sách của chính quyền Sài Gòn.

Nhập khẩu là nguồn sống chủ yếu của nền kinh tế. Nó cung cấp phần lớn điều kiện cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nhiên liệu cho toàn bộ các hoạt động sản xuất, phần lớn là hàng tiêu dùng, kể cả những mặt hàng truyền thống của Việt Nam như lúa gạo.

Tính trong 20 năm (1955 - 1975), tổng số nhập khẩu là gần 10 tỷ USD. Trong 10 năm đầu, số nhập khẩu tương đối ít: 2.376,2 triệu USD, chỉ chiếm 1/4 tổng số nhập khẩu kể trên. Trong 10 năm sau (1965-1975), số nhập khẩu chiếm tới 3/4 (7.549,8 triệu USD). Trong khi đó, xuất khẩu lại rất nhỏ bé và ngày càng sa sút. Trong 10 năm đầu, xuất khẩu 603,8 triệu USD, trang trải 25,4% nhập khẩu. Nhưng 10 năm sau, xuất khẩu chỉ đạt 393,1 triệu USD, trang trải được 5,2% nhập khẩu¹.

BIỂU 2: Kim ngạch xuất, nhập khẩu miền Nam với Mỹ giai đoạn 1956 - 1975

Đơn vị: triệu USD

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu
1956	345,4	54,0
1957	224,8	89,1
1958	182,2	57,3
1959	217,4	61,8
1960	234,9	88,8
1961	272,5	71,7
1962	268,6	48,7
1963	307,1	83,3
1964	323,3	48,8
1965	307,2	40,3
1966	653,1	25,2
1967	749,4	36,7
1968	668,7	41,3
1969	853,3	33,0
1970	778,8	12,7
1971	802,7	14,7
1972	742,9	23,8
1973	775,1	62,1
1974	929,5	76,7
1975 (4 tháng đầu)	226,1	26,6
Cộng	9.926,0	996,9

Nguồn: Sdd, tr 343.

• Giai đoạn 1975 - 1993

11^h ngày 30 tháng tư năm 1975, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, đất nước hoàn toàn thống nhất. Sau khi Việt Nam toàn thắng và thống nhất, từ tháng 5 năm 1975, Mỹ thực hiện chính sách cấm vận chống Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế.

Mặc dù bị cấm vận, song thông qua con đường trực tiếp hoặc gián tiếp, Việt Nam vẫn có quan hệ kinh tế và viện trợ với một số tổ chức kinh tế và phi chính phủ. Giai đoạn 1986 - 1989, Việt Nam nhập khẩu từ Mỹ 50 triệu USD (1987: 23 triệu USD, 1988: 15 triệu USD, 1989: 11 triệu USD²). Năm 1988, phía Mỹ đã bắt đầu có hoạt động tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam. Bỏ qua những điều không tốt trong quá khứ để hướng tới tương lai, Việt Nam đã có những hoạt động nhân đạo, tích cực tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh. Cũng trong năm 1988, Việt Nam rút quân ra khỏi Campuchia, thực hiện cải cách kinh tế thành công sau 2 năm “đổi mới”. Tất cả những điều trên đã khiến chính quyền Mỹ dần dần nới lỏng chính sách cấm vận đối với Việt Nam.

Cuối năm 1988, Mỹ cho phép gửi sách báo, văn hóa phẩm từ Mỹ đến Việt Nam với số lượng không hạn chế. Chính phủ Mỹ cho phép Bộ Ngoại giao cấp thị thực nhập cảnh Mỹ cho người Việt Nam đến Mỹ với các mục đích trao đổi khoa học có thời hạn, theo nguồn kinh phí của các tổ chức phi chính phủ.

Bước sang thập niên 90, lộ trình quan hệ thương mại Việt - Mỹ đã có những bước tiến vượt bậc. Cả hai nước Mỹ và Việt Nam đã có những cách thức cải thiện quan hệ song

1. Đặng Phong. Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 - 1975. Nxb Khoa học xã hội, 2004, tr 342.
2. Đàm Quang Vinh. Triển vọng quan hệ thương mại Việt - Mỹ và việc đẩy mạnh xuất khẩu hàng Việt Nam sang Mỹ. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 36, tháng 5-6 năm 2000, tr 23.

Viện trợ thương mại có hai chức năng chính: thứ nhất, tạo điều kiện để cung cấp phần lớn hàng nhập khẩu cho miền Nam. Thứ hai, thông qua đó, tạo ra bộ phận quan trọng nhất trong nguồn thu ngân sách của chính quyền Sài Gòn.

Nhập khẩu là nguồn sống chủ yếu của nền kinh tế. Nó cung cấp phần lớn điều kiện cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nhiên liệu cho toàn bộ các hoạt động sản xuất, phần lớn là hàng tiêu dùng, kể cả những mặt hàng truyền thống của Việt Nam như lúa gạo.

Tính trong 20 năm (1955 - 1975), tổng số nhập khẩu là gần 10 tỷ USD. Trong 10 năm đầu, số nhập khẩu tương đối ít: 2.376,2 triệu USD, chỉ chiếm 1/4 tổng số nhập khẩu kể trên. Trong 10 năm sau (1965-1975), số nhập khẩu chiếm tới 3/4 (7.549,8 triệu USD). Trong khi đó, xuất khẩu lại rất nhỏ bé và ngày càng sa sút. Trong 10 năm đầu, xuất khẩu 603,8 triệu USD, trang trải 25,4% nhập khẩu. Nhưng 10 năm sau, xuất khẩu chỉ đạt 393,1 triệu USD, trang trải được 5,2% nhập khẩu¹.

BIỂU 2: Kim ngạch xuất, nhập khẩu miền Nam với Mỹ giai đoạn 1956 - 1975

Đơn vị: triệu USD

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu
1956	345,4	54,0
1957	224,8	89,1
1958	182,2	57,3
1959	217,4	61,8
1960	234,9	88,8
1961	272,5	71,7
1962	268,6	48,7
1963	307,1	83,3
1964	323,3	48,8
1965	307,2	40,3
1966	653,1	25,2
1967	749,4	36,7
1968	668,7	41,3
1969	853,3	33,0
1970	778,8	12,7
1971	802,7	14,7
1972	742,9	23,8
1973	775,1	62,1
1974	929,5	76,7
1975 (4 tháng đầu)	226,1	26,6
Cộng	9.926,0	996,9

Nguồn: Sdd, tr 343.

• *Giai đoạn 1975 - 1993*

11^h ngày 30 tháng tư năm 1975, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, đất nước hoàn toàn thống nhất. Sau khi Việt Nam toàn thắng và thống nhất, từ tháng 5 năm 1975, Mỹ thực hiện chính sách cấm vận chống Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế.

Mặc dù bị cấm vận, song thông qua con đường trực tiếp hoặc gián tiếp, Việt Nam vẫn có quan hệ kinh tế và viện trợ với một số tổ chức kinh tế và phi chính phủ. Giai đoạn 1986 - 1989, Việt Nam nhập khẩu từ Mỹ 50 triệu USD (1987: 23 triệu USD, 1988: 15 triệu USD, 1989: 11 triệu USD²). Năm 1988, phía Mỹ đã bắt đầu có hoạt động tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh ở Việt Nam. Bỏ qua những điều không tốt trong quá khứ để hướng tới tương lai, Việt Nam đã có những hoạt động nhân đạo, tích cực tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh. Cũng trong năm 1988, Việt Nam rút quân ra khỏi Campuchia, thực hiện cải cách kinh tế thành công sau 2 năm "đổi mới". Tất cả những điều trên đã khiến chính quyền Mỹ dần dần nới lỏng chính sách cấm vận đối với Việt Nam.

Cuối năm 1988, Mỹ cho phép gửi sách báo, văn hóa phẩm từ Mỹ đến Việt Nam với số lượng không hạn chế. Chính phủ Mỹ cho phép Bộ Ngoại giao cấp thị thực nhập cảnh Mỹ cho người Việt Nam đến Mỹ với các mục đích trao đổi khoa học có thời hạn, theo nguồn kinh phí của các tổ chức phi chính phủ.

Bước sang thập niên 90, lộ trình quan hệ thương mại Việt - Mỹ đã có những bước tiến vượt bậc. Cả hai nước Mỹ và Việt Nam đã có những cách thức cải thiện quan hệ song

1. Đặng Phong. Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955 - 1975. Nxb Khoa học xã hội, 2004, tr 342.
2. Đàm Quang Vinh. Triển vọng quan hệ thương mại Việt - Mỹ và việc đẩy mạnh xuất khẩu hàng Việt Nam sang Mỹ. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 36, tháng 5-6 năm 2000, tr 23.

phương một cách hợp lý. Tháng 12 năm 1990 tại thủ đô Washington, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước đã gặp mặt, hai bên thoả thuận mở cơ quan đại diện nhà nước tại Thủ đô của hai nước, tiến tới bình thường hóa quan hệ ngoại giao và các quan hệ khác. Năm 1992, Việt Nam và Mỹ đã có 3 cuộc gặp gỡ cấp Bộ trưởng Ngoại giao, Mỹ đã 5 lần cử Đặc phái viên của Tổng thống vào Việt Nam. Với những bước tiến quan trọng trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước, chính quyền Mỹ tiếp tục giảm bớt những rào cản quan trọng trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

Ngày 29-4-1992, Mỹ cho phép xuất khẩu sang Việt Nam các loại hàng hóa phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của con người như: lương thực, quần áo, vật dụng gia đình, hàng phục vụ y tế giáo dục...

Ngày 14-12-1992, trước khi kết thúc nhiệm kỳ và rời Nhà Trắng, Tổng thống G. Bush đã cho phép các công ty Mỹ được ký hợp đồng kinh doanh với Việt Nam (chưa cho phép kinh doanh chính thức), được lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, thuê người làm việc, chuẩn bị kế hoạch triển khai hoạt động, tiến hành nghiên cứu khả thi... trước khi cấm vận bị bãi bỏ. Từ năm 1993, sau khi lên thay tổng thống G. Bush, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã có những đóng góp tích cực cho tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ, Ông đã cam kết tiếp tục thực hiện bản lộ trình của chính quyền tổng thống G. Bush trong quan hệ với Việt Nam. Tháng 7 năm 1993, Tổng thống Bill Clinton quyết định không ngăn cản các nước giúp Việt Nam trả nợ IMF, cũng như việc các tổ chức quốc tế như IMF, WB, ADB nối lại viện trợ và cho Việt Nam vay tiền. Tháng 9 năm 1993, Tổng thống Bill Clinton ký Đạo luật cho phép các doanh nghiệp Mỹ được tham gia và thực hiện các dự án phát triển tại Việt Nam do các tổ chức tài chính quốc tế tài trợ, cho phép các công ty dịch vụ của Mỹ được đào tạo hướng nghiệp cho các công dân Việt Nam. Cũng với những nỗ lực của hai nước: Mỹ dần dần xoá bỏ các rào cản thương mại

với Việt Nam. Tại Đại hội Đảng VI Việt Nam đã chuyển quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng nền kinh tế mở, đa phương hóa quan hệ và đa dạng hóa hình thức, Luật Đầu tư ban hành năm 1987 đã tạo điều kiện cho quan hệ thương mại giữa hai nước đã có những chuyển biến tích cực. Năm 1990, Việt Nam đã xuất sang Mỹ một lượng hàng hóa trị giá 5000 USD và con số này tăng lên 9000 USD trong năm 1991. Năm 1992, Mỹ xuất sang Việt Nam khối lượng hàng hóa trị giá 4.485.000 USD, trong đó xuất khẩu từ thiện là 3.715.000 USD. Năm 1993 Việt Nam xuất sang Mỹ 58.230 USD hàng hóa, chủ yếu là hàng thủ công mỹ nghệ và nhập của Mỹ 3.800.000 USD các mặt hàng máy móc, y tế, tiêu dùng³. Trong giai đoạn này, khi lệnh cấm vận chưa được bãi bỏ, kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa hai nước vẫn là con số quá nhỏ bé so với tiềm năng. Chính vì vậy, Mỹ và Việt Nam đã có những nỗ lực hơn nữa để hướng tới bình thường hóa quan hệ thương mại Việt - Mỹ.

2. Quan hệ thương mại Việt - Mỹ sau khi lệnh cấm vận được bãi bỏ

Ngày 3-2-1994, Tổng thống Mỹ Bill Clinton tuyên bố bãi bỏ chính sách cấm vận chống Việt Nam. Đây là một trong những khâu quan trọng nhất trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ. Ngày 10-2-1994, Bộ Thương mại Mỹ (Vụ Quản lý xuất khẩu) đã điều chỉnh lại phần 385 của Bộ luật Liên bang về Thương mại, chuyển Việt Nam từ nhóm Z lên nhóm Y trong hệ thống quan hệ thương mại của Mỹ với nước ngoài, ít bị hạn chế hơn về quan hệ thương mại.

Cũng trong năm 1994, được sự giúp đỡ của nhiều tổ chức Mỹ, Việt Nam đã tổ chức triển lãm VIETEXPORT - 94 tại San Francisco - Mỹ. Việt Nam đã đưa 70 doanh nghiệp sang Mỹ giới thiệu các sản phẩm nông sản, thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may, da giầy, thủy, hải sản...

3. Đàm Quang Vinh. TLdd, tr 24.

Triển lãm đã thu được những kết quả tốt đẹp về kinh tế, giới kinh doanh và người dân Mỹ có điều kiện để hiểu hơn về Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện để làm quen với thị trường và giới kinh doanh Mỹ.

Trong năm 1994, Mỹ đã có nhiều chương trình viện trợ nhân đạo giúp Việt Nam như: trợ giúp trẻ em tàn tật phục hồi chức năng 3,5 triệu USD, trợ giúp tái hoà nhập hội hương 3,4 triệu USD năm 1994, và 8 triệu USD năm 1995. Mỹ cũng giúp đỡ Việt Nam nhiều trong lĩnh vực đào tạo chương trình học bổng Fullbright, đã cấp 3 triệu USD cho 40 suất học bổng cho người Việt Nam sang du học tại Mỹ niên khoá 1994 - 1995⁴.

Ngày 11-7-1995, Tổng thống Bill Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Tháng 8 năm 1995, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ W. Christopher thăm chính thức Việt Nam. Ngày 5-9-1995, cựu Tổng thống Mỹ-G. Bush đến thăm Việt Nam, Tháng 10 năm 1995, nhân dịp sang New York dự lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Liên hợp quốc, Chủ tịch Lê Đức Anh đã tham dự Hội nghị về bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt do Hội đồng thương mại Mỹ tổ chức. Thời gian này, Việt Nam đã cử nhiều đoàn ngoại giao sang thăm Mỹ như: đoàn của Phó Thủ tướng Trần Đức Lương, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cẩm, Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết. Năm 1997 đánh dấu một loạt các sự kiện ngoại giao trọng đại giữa hai nước: ngày 9-5, đại sứ của hai nước đã tới Thủ đô của hai nước bắt đầu nhiệm kỳ công tác của mình, Bộ trưởng Tài chính Mỹ - Robert Rubin thăm Việt Nam vào tháng 4, Ngoại trưởng Mỹ Albright đến thăm Việt Nam và thông báo về việc Mỹ cho phép Cơ quan Phát triển Thương mại Mỹ (TDA) được chính thức mở các chương trình hỗ trợ tại Việt Nam. Ngày 10-3-1998, Tổng thống Bill Clinton đã ký quyết định không áp dụng điều luật Jackson - Vanik đối với Việt Nam, cho phép Việt Nam tham gia vào các chương trình khuyến khích xuất khẩu và hỗ trợ đầu tư của phía các tổ chức hữu quan của Mỹ. Ngày 26-3-1998, Việt Nam chính thức ký kết Hiệp

định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư giữa OPIC và Việt Nam⁵. Tất cả những điều này làm cho quan hệ thương mại giữa hai nước có cơ sở vững chắc hơn để phát triển. Với dân số đông, sức mua lớn, Mỹ ngày càng trở thành một bạn hàng quan trọng của Việt Nam, kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước tăng dần lên qua các năm. Năm 1994, kim ngạch ngoại thương giữa hai nước là 222,673 triệu USD, tăng 31 lần so với năm 1993 (7,508 triệu USD). Sang năm 1995, con số này tăng vọt lên mức 451,826 triệu USD, gấp 2 lần năm 1994. Đây là tốc độ phát triển nhanh nhất trong quan hệ buôn bán của Việt Nam với nước ngoài. Năm 1999, tổng kim ngạch xuất khẩu hai chiều Việt - Mỹ là 879 triệu USD, tăng hơn 3,9 lần so với năm 1994. Những kết quả đó chứng tỏ Mỹ là bạn hàng lớn và đầy tiềm năng của Việt Nam.

BIỂU 3: Quan hệ thương mại Việt - Mỹ (1993 - 1999)
Đơn vị: triệu USD

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Tổng kim ngạch
1993	7,00	0	7,00
1994	172,70	50,60	223,30
1995	252,50	198,90	451,40
1996	616,40	331,80	948,20
1997	286,60	388,50	675,10
1998	274,10	554,10	282,20
1999	291,50	608,30	899,80

Nguồn: Nguyễn Thiết Sơn. Việt Nam - Hoa Kỳ quan hệ thương mại và đầu tư. Nxb KHXH, 2004, tr 49.

3. Quan hệ thương mại sau khi hai nước ký Hiệp định Thương mại

Mỹ và Việt Nam đã có những hoạt động tích cực trong quan hệ thương mại, để quan hệ này gắn bó và phát triển hơn nữa, Việt Nam và Mỹ cần phải ký kết Hiệp định Thương mại song phương. Đây là một nhu cầu bức thiết của giới kinh doanh, các nhà

4. Nguyễn Thiết Sơn. Việt Nam - Hoa Kỳ quan hệ thương mại và đầu tư. Nxb KHXH, 2004, tr 19.

5. Hiệp định OPIC là Hiệp định về đầu tư tư nhân ở nước ngoài.

kinh tế, chính trị và khoa học. Tháng 10 năm 1995, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam và Đại diện Thương mại Mỹ đã thoả thuận hai nước tập trung thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại và chuẩn bị tiến hành đàm phán Hiệp định Thương mại song phương.

Tháng 4-1996, phía Mỹ trao cho Việt Nam văn bản về “Những yếu tố bình thường hóa quan hệ kinh tế - thương mại với Việt Nam” và tháng 7-1999, Việt Nam trao cho Mỹ văn bản “Năm nguyên tắc bình thường hóa quan hệ kinh tế - thương mại và đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ”. Vòng đàm phán thứ nhất về Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ đã diễn ra tại Hà Nội từ ngày 21 - 26/9/1996. Trải qua 9 vòng đàm phán, ngày 6, 7-7-2000 tại Thủ đô Washington, Bộ trưởng Thương mại Việt Nam - Vũ Khoan và Đại diện Thương mại Mỹ - Charlene Barshefsky đã có cuộc thảo luận những vấn đề còn lại của Hiệp định Thương mại. Ngày 13-7-2000, sau một tuần thảo luận những vấn đề còn lại của Hiệp định Thương mại, Việt Nam và Mỹ đã ký kết Hiệp định Thương mại song phương, mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ giữa hai nước. Hiệp định Thương mại song phương Việt - Mỹ là cơ sở pháp lý quan trọng của mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa 2 nước, là tiền đề thuận lợi để Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Sau khi ký Hiệp định Thương mại song phương, Việt Nam và Mỹ dành cho nhau Quy chế Tối huệ quốc (MFN), hiện nay gọi là Quy chế quan hệ thương mại bình thường (Normal Trade Relations Status - NTR), cốt lõi của nó là mức thuế quan đánh vào hàng hóa Việt Nam nhập vào Mỹ khi chưa áp dụng NTR là 40% hoặc cao hơn, khi áp dụng quy chế này chỉ là 3% (mức trung bình). Với mức thuế thấp như vậy, hàng hóa Việt Nam sẽ có khả năng cạnh tranh cao hơn trên thị trường Mỹ, những doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam sẽ có lợi hơn rất nhiều khi có hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ. Tháng 11-2000, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã sang thăm Việt Nam 3 ngày (từ 16 -

19/11/2000), chuyến đi thăm này đã khẳng định những thiện chí của Mỹ sau khi bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Từ giữa năm 2000, nước Mỹ bước vào mùa bầu cử Tổng thống, đầu năm 2001, Tổng thống mới G. Bush lên nhận chức đã cam kết tiếp tục chính sách bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Ngày 2-6-2001, Tổng thống Mỹ đã tuyên bố tiếp tục không áp dụng Điều luật Jackson - Vanik đối với Việt Nam. Ngày 4-6-2001, chính quyền Mỹ đã chuyển Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ lên Quốc hội để xem xét và Hiệp định có hiệu lực từ ngày 10-12-2001.

Năm 2002, một năm sau khi Hiệp định Thương mại có hiệu lực, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa hai nước tăng hơn 2 lần (2.394,8 triệu USD/1.053,2 triệu USD), năm 2004 Việt Nam xuất sang Mỹ hơn 5 tỷ USD, tốc độ tăng xuất khẩu đạt 28,9%, là tốc độ cao nhất từ năm 1996 đến nay⁶. Theo số liệu thống kê, Việt Nam đã xuất khẩu trên 80 nhóm hàng vào thị trường Mỹ với kim ngạch đạt được như hiện nay, thị trường Hoa Kỳ đã đứng ở vị trí hàng đầu trong bảng danh sách các đối tác xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là: dệt may, thủy, hải sản, giấy dép, khoáng sản, đồ gỗ, đồ da, quả hạt thực phẩm, cà phê - chè - gia vị, thiết bị cơ khí, thiết bị điện máy, ghi âm ghi hình, gốm sứ. Điều đáng chú ý là hàng công nghiệp đạt mức tăng trưởng xuất khẩu cao chứ không phải là hàng nông thủy sản và khoáng sản. Tuy nhiên, kim ngạch hàng công nghiệp tăng cao nhưng lợi ích thương mại thực tế không thu được nhiều, do Việt Nam mới chỉ làm gia công từ các nguyên phụ liệu nhập khẩu.

Ngày 10-12-2004 sau gần 30 năm kể từ khi đất nước thống nhất, chuyến bay thương mại từ Mỹ sang Việt Nam đã đến sân bay Tân Sơn Nhất, những điều này đã mở ra triển

6. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 122, ngày 21-6-2005, tr 6.

vọng tốt đẹp trong quan hệ thương mại Việt - Mỹ.

BIỂU 4: Kim ngạch thương mại hai nước Việt - Mỹ (2000 - 2004)

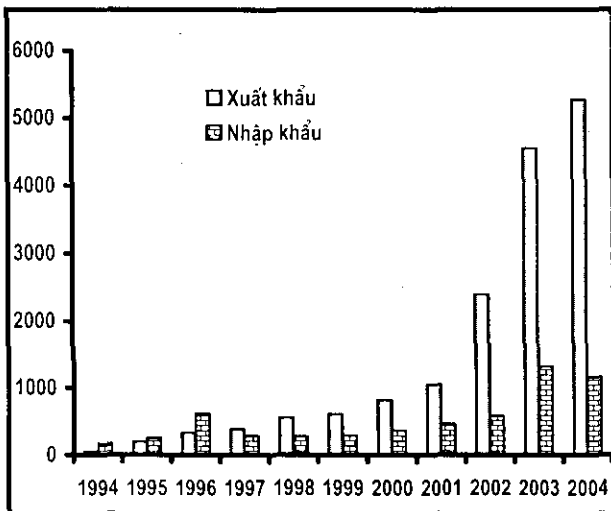
Đơn vị: triệu USD

Năm	VN xuất sang Mỹ	Việt Nam nhập từ Mỹ	Tổng kim ngạch
2000	821,3	367,5	1.188,8
2001	1.053,2	460,4	1.513,6
2002	2.394,8	580,0	2.974,8
2003	4.554,9	1.324,4	5.879,3
2004	5.275,8	1.163,4	6.439,2

Nguồn: Dương Ngọc - Phát triển hơn nữa quan hệ Việt - Mỹ. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 122, ngày 21-6-2005.

ĐỒ THỊ: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Mỹ (1994 - 2004)

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: Nguyễn Thiết Sơn. Việt Nam - Hoa Kỳ quan hệ thương mại và đầu tư. Nxb KHXH. 2004, tr 49. Dương Ngọc - Phát triển hơn nữa quan hệ Việt - Mỹ. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 122, ngày 21-6-2005, tr6.

II. TRIỂN VỌNG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT - MỸ

1. Việt Nam đã có nhiều thuận lợi khi tham gia quan hệ thương mại với Mỹ

Cuộc đi thăm của Thủ tướng Phan Văn Khải với đại diện 80 doanh nghiệp lớn trong tháng 6 vừa qua đã hứa hẹn những kết quả

tốt đẹp trong quan hệ thương mại Việt - Mỹ. Rất nhiều bài báo đã đánh giá đây là chuyến đi thăm lịch sử sau 30 năm chiến tranh kết thúc, 10 năm bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ và gần 5 năm ký Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ. Mục đích đi thăm của Thủ tướng lần này là thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư Mỹ vào Việt Nam, đẩy mạnh quan hệ kinh tế thương mại hai nước và thúc đẩy việc kết thúc đàm phán song phương với Mỹ về việc Việt Nam gia nhập WTO. Về phía Việt Nam, Mỹ là một thị trường khổng lồ với 270 triệu dân, sức tiêu thụ hơn 1200 tỷ USD hàng hóa mỗi năm⁸. Sức mua và tiêu thụ sản phẩm của thị trường Mỹ là rất lớn. Hệ thống doanh nghiệp của Mỹ phát triển rất mạnh, tất cả đều được xuất, nhập khẩu trực tiếp, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tính linh hoạt cao và thông thạo kinh doanh sẽ là những đối tác trực tiếp với các bạn hàng xuất khẩu để tìm kiếm nguồn hàng cho các công ty lớn. Trong bối cảnh đó, các công ty Việt Nam ở Mỹ cũng sẽ là những vệ tinh quan trọng để nhập khẩu hàng từ Việt Nam. Phát triển quan hệ kinh tế với Mỹ, các nhà doanh nghiệp Việt Nam sẽ khai thác được nhiều lợi thế thương mại của Việt Nam, và khi được hưởng quy chế NTR, hàng hóa sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn khi lưu hành trên đất Mỹ. Xúc tiến quan hệ thương mại với Mỹ sẽ tạo điều kiện gián tiếp cho các hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, điều này đặt nền móng cho các doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập vào thị trường láng giềng của Mỹ. Tăng cường giao dịch buôn bán với Mỹ giúp Việt Nam ngày càng hoà nhập hơn nữa vào thị trường thế giới và xu thế toàn cầu hóa. Việt Nam sẽ tham gia một cách toàn diện hơn vào các hoạt động của nền kinh tế thế giới. Hợp tác với Mỹ, một nước có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến vào bậc nhất trên thế giới, Việt Nam sẽ có cơ hội tốt để tiếp cận học tập và chia sẻ công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến.

8. Báo Công Nghiệp Việt Nam, số 32, ngày 12-8-2004.

2. Về phía Mỹ cũng được hưởng lợi nhiều khi tham gia quan hệ thương mại với Việt Nam

Việt Nam vốn là một thị trường đông dân, với nguồn tài nguyên phong phú, Việt Nam được coi là nơi hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Sau gần 20 năm đổi mới kinh tế, Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công đáng khích lệ. Với đường lối đối ngoại mềm dẻo, đa phương hóa quan hệ và đa dạng hóa hình thức, Việt Nam ngày càng nỗ lực hơn nữa để hội nhập với nền kinh tế thế giới. Là thành viên của ASEAN năm 1995, tham gia AFTA năm 1996, kết nạp vào APEC năm 1998, ký Hiệp định Thương mại với Mỹ năm 2000 và đã trải qua 8 vòng đàm phán để gia nhập WTO. Tất cả những điều trên đã nói lên “nỗ lực” rất lớn của Chính phủ Việt Nam để trở thành một đối tác thương mại “hấp dẫn”. Khi tham gia quan hệ thương mại với Việt Nam, người tiêu dùng Mỹ đã có thêm những hàng hóa tốt và giá rẻ từ Việt Nam. Đó là những mặt hàng dệt may, giấy dếp, thủ công mỹ nghệ, hàng công nghiệp tiêu dùng, đồ gỗ, các loại thủy hải sản, cà phê, hạt điều, hạt tiêu... Năm 2004, Mỹ nhập từ Việt Nam hơn 5,27 tỷ USD hàng hóa và những nhà sản xuất Mỹ đã xuất sang Việt Nam hơn 1,16 tỷ USD⁹. Với Việt Nam, Mỹ là một thị trường xuất khẩu khổng lồ; với Mỹ, Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng để xuất khẩu hàng hóa của mình. Cùng với việc phát triển các quan hệ thương mại, Việt Nam cũng là một

nơi đầy hấp dẫn để Mỹ tham gia đầu tư. Trong năm 2003, đầu tư của Mỹ vào Việt Nam tăng mạnh, đạt mức 2,6 tỷ USD và Mỹ đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ tư ở Việt Nam¹⁰. Từ việc phát triển quan hệ thương mại, người dân Mỹ đã quan tâm đến Việt Nam nhiều hơn, Mỹ là một trong những nước có lượng khách du lịch vào Việt Nam đông nhất. Năm 2000, lượng khách du lịch Mỹ vào Việt Nam đứng thứ 4 sau Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản. Năm 2001, vượt lên hàng thứ 2 sau Trung Quốc. Năm 2004 gấp trên 4,7 lần năm 2001, bình quân một năm tăng 18,9%. Trong 5 tháng đầu năm 2005 lượng khách Mỹ đến Việt Nam đạt trên 134,2 nghìn lượt người, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2004¹¹.

Quan hệ thương mại Việt - Mỹ đã trải qua một lộ trình hết sức phức tạp và khó khăn để có được những bước đi thành công. Có được kết quả như ngày hôm nay phải kể đến những nỗ lực “đầy quyết tâm” của 2 Chính phủ để đi đến bình thường hóa quan hệ và cùng nhau phát triển kinh tế. Một thời kỳ mới đã mở ra những triển vọng tốt đẹp trong quan hệ thương mại giữa hai nước./.

9. Dương Ngọc - Phát triển hơn nữa quan hệ Việt - Mỹ. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 122, ngày 21-6-2005, tr6.

10. Báo Diễn đàn doanh nghiệp, số 46, ngày 10-6-2005, tr 5.

11. Dương Ngọc - TLDD, tr6.